

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2018/HS-ST
Ngày: 09/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân TH phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TH phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TH phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lương Giàu E, sinh năm 1993; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 03, ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, TH phố Châu Đốc; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: V Nam; con ông Lương Văn P và bà Nguyễn Thị Th;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

2. Trần Quốc V, sinh năm 1997; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 14, khóm Vĩnh Phước, phường Núi Sam, TH phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng TH;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang.

Người bị hại: Ông Liêu Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ 03, ấp Long Thịnh, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Kiều Xuân TH, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 05, ấp Long An, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Ông Cao Văn N, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ 12, ấp Mỹ Phú, xã Vĩnh Châu, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Các bị cáo Lương Giàu E, Trần Quốc V bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/7/2017, Lương Giàu E rủ Trần Quốc V đi tìm tài sản lấy trộm, V đồng ý. Khi này, Giàu E thấy trong khuôn viên Hợp tác xã Vĩnh Tế cũ thuộc tổ 17, ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang có 03 chiếc xe mô tô không người trông giữ, Giàu E chỉ cho V thấy và kêu V đứng bên ngoài canh giới. Giàu E đi đến nơi đậu xe, dùng 01 đoạn kim loại, 01 đầu hình lục giác, 01 đầu được đập dẹp và cò lê số 8 (để sẵn trong túi quần) phá công tắc điện xe mô tô biển số 67M3 – 9044, màu tím đỏ, dẫn xe ra ngoài. Sau khi lấy trộm, Giàu E điều khiển xe chở V qua cửa khẩu Tịnh Biên sang Campuchia bán cho một người phụ nữ không rõ tên với giá 6.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Khi lấy trộm, trên xe có 01 nón bảo hiểm và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, do sợ bị phát hiện nên V đã ném bỏ điện thoại, riêng nón bảo hiểm thì đã giao cho người phụ nữ mua xe.

Ngày 26/7/2017, tại công an xã Vĩnh Tế, Lương Giàu E và Trần Quốc V đã khai nhận hành vi lấy trộm xe mô tô mang biển số 67M3 – 9044 của anh Liêu Văn H.

Kết luận định giá tài sản số 115/KL-ĐG, ngày 21/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại wave alpha bụng, màu tím đỏ, biển số 67M3 – 9044, số máy: 5306743, số khung: 206687, xe đã qua sử dụng. Tỷ lệ sử dụng còn lại: 50%; giá trị còn lại: 7.000.000 đồng.

Cáo trạng số 13/VKS.HS ngày 02 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố Lương Giàu E, Trần Quốc V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Giàu E khai nhận: Bị cáo và bị cáo V là bạn bè, có cùng sử dụng chung ma túy. Do cần tiền tiêu xài nên đã rủ V tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo cùng V đi đến khu vực hợp tác xã Vĩnh Tế thì phát hiện có các xe mô tô đang dựng phía trước, không ai trông giữ. Bị cáo kêu V canh đường, bị cáo dùng đoạn kim loại mang theo sẵn trong người, phá công tắc điện dẫn chiếc xe mô tô, biển số 67M3 – 9044 ra ngoài. Sau đó, bị cáo cùng V mang xe sang Campuchia bán được số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo lấy 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng, số tiền còn lại bị cáo chia mỗi người 2.500.000 đồng.

Bị cáo V thừa nhận có cùng Giàu E lấy trộm xe của ông H và đem sang Campuchia bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng như Giàu E trình bày. Khi bị bắt giữ, bị cáo có giao nộp lại số tiền 154.000 đồng chưa sử dụng hết từ số tiền được chia khi bán xe.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý bồi thường lại giá trị tài sản đã lấy trộm cho người bị hại. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Liêu Văn H cho biết: Xe mô tô biển số 67M3 – 9044 mà các bị cáo chiếm đoạt là của ông. Ông mua lại của ông Kiều Xuân TH nhưng chưa sang tên chủ sở hữu xe. Ông yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường lại cho ông số tiền 7.000.000 đồng, tương đương giá trị xe mà Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định. Đối với điện thoại di động và mũ bảo hiểm, giá trị không lớn, ông không yêu cầu bồi thường. Ngoài ra, ông không yêu cầu hay có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Xuân TH xác định: Xe mô tô biển số 67M3 – 9044 tuy ông đứng tên chủ sở hữu xe nhưng ông đã bán lại cho ông H. Đối với vụ án, ông không có yêu cầu nào khác.

Người làm chứng ông Cao Văn N cho biết: Ngày 22/7/2017, ông Liêu Văn H có điều khiển xe mô tô biển số 67M3 – 9044 chở ông đến khu vực hợp tác xã Vĩnh Tế và đậu tại phía trước sân khu vực hợp tác xã để đi đắp đê. Đến khoảng 19 giờ 30 phút khi trở lên thì phát hiện xe đã bị mất.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Giàu E và bị cáo V tại phiên tòa là phù hợp nhau cũng như phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt xe mô tô trị giá 7.000.000 đồng của ông H mà các bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia đã qua sử dụng (không xác định được model, thông số) và 01 mũ bảo hiểm không thu hồi được, người bị hại xác định giá trị các tài sản này không lớn, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề cập truy tố trong vụ án.

Xét về tính chất của vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, thỏa thuận trước.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong khi lượng hình.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự 2015) hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, đề nghị áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt:

- Bị cáo Lương Giàu E từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng;
- Bị cáo Trần Quốc V từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015, tổng hợp hình phạt với Bản án số 61/2017/HS.ST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đối với bị cáo Lương Giàu E.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn kim loại màu trắng và 01 cờ lê bằng kim loại; giao trả số tiền 154.000 đồng cho bị cáo V nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, các Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông H số tiền 7.000.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Về nội dung,

[Hành vi phạm tội]:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai người bị hại và người làm chứng là phù hợp với nhau về diễn biến, thời gian và hành vi các bị cáo đã thực hiện, cụ thể:

Vào sáng ngày 22/7/2017, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông H, lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 67M3-9044 khi ông H dựng xe tại khu vực trước sân hợp tác xã Vĩnh Tế thuộc tổ 17, ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc đem bán lấy tiền tiêu xài, với giá trị tài sản được xác định là 7.000.000 đồng theo Kết luận định giá số 115/KL-ĐG, ngày 21/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản.

Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như nội dung cáo trạng truy tố.

[Về đồng phạm]:

Đây là một vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đồng phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết, phân công trong thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, ở bị cáo Giàu E giữ vai trò chính, chủ động rủ rê bị cáo V cùng thực hiện tội phạm và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản cũng như tìm nơi tiêu thụ tài sản. Bị cáo V tham gia với vai trò giúp sức, hỗ trợ bị cáo Giàu E trong việc cảnh giới, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo Giàu E thực hiện tội phạm nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo Giàu E có phần nặng hơn bị cáo V.

[Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự]:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm

nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 nên có xE xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Đối với bị cáo Giàu E do đã bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 61/2017/HS-ST ngày 25/12/2017 nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội danh đang xét xử sau đó tổng hợp hình phạt chung đối với 02 bản án theo quy định của pháp luật.

[Về hình phạt bổ sung]:

Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[Về trách nhiệm dân sự]:

Xe mô tô biển số 67M3-9044 không thu hồi được, người bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, tương đương giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt được Hội đồng định giá xác định theo Kết luận định giá số 115/KL-ĐG, ngày 21/8/2017 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Xét, buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Liêu Văn H số tiền 7.000.000 đồng.

[Về xử lý vật chứng]:

- 01 (một) đoạn kim loại màu trắng xám, dài 07cm, một đầu hình lục giác, một đầu hình dẹp nhọn; 01 (một) cò lê bằng kim loại màu trắng, dài 10.5cm, một đầu có hình vòng tròn đường kính 0.8cm; một đầu hở rộng 0.8cm, thân cò lê có hàng chữ số 8 ASKSUPERGRIP 8 và DROP FORGED. Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 154.000 đồng thu giữ của bị cáo V, V khai nhận là số tiền được chia sau khi bán tài sản lấy trộm của ông H. Do bị cáo V cùng liên đới trách nhiệm với bị cáo Giàu E bồi thường lại giá trị tài sản cho ông H nên cần giao trả lại cho bị cáo V. Tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[Về án phí]: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 137; điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố các bị cáo: Lương Giàu E, Trần Quốc V phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Lương Giàu E: 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015;

Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, bị cáo Lương Giàu E phải chịu hình phạt chung là: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Lương Giàu E được tính kể từ ngày 22/8/2017 (*Hai mươi hai, tháng tám, năm hai ngàn không trăm mười bảy*).

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc V: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Trần Quốc V được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Lương Giàu E, Trần Quốc V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Liêu Văn H 7.000.000 (*bảy triệu*) đồng.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn kim loại màu trắng xám, dài 07cm, một đầu hình lục giác, một đầu hình dẹp nhọn; 01 (một) cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 10.5cm, một đầu có hình vòng tròn đường kính 0.8cm; một đầu hở rộng 0.8cm, thân cờ lê có hàng chữ số 8 ASKSUPERGRIP 8 và DROP FORGED.

- Giao trả cho bị cáo Trần Quốc V tiền Việt Nam 154.000 (*một trăm năm mươi bốn nghìn*) đồng. Tiếp tục tạm giữ tiền Việt Nam 154.000 (*một trăm năm mươi bốn nghìn*) đồng của bị cáo Trần Quốc V để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lương Giàu E, Trần Quốc V, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lương Giàu E, Trần Quốc V liên đới chịu 350.000 (*ba trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TH phó (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS TH phó (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thanh Tâm